

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị T
và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An

Bà Đinh Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Mai Vi Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024; về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thanh T; sinh năm 1995; địa chỉ: xóm C, Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam

- Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1990, địa chỉ: xóm F (P), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị T, anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh T và anh Bùi Văn K kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 24/3/2021 Vợ chồng sống không hạnh phúc

do tính tình của anh, anh chơi bời không có trách nhiệm với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh **K**.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung và không có thai nghén với nhau

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Chị có đơn xin giải quyết vắng mặt chị.

Anh **Bùi Văn K** mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác. Tòa án đã làm việc với bố đẻ anh là ông **Bùi Đức H** đã cho biết anh **K** đã được ông thông báo việc Tòa án thụ lý giải quyết việc chị **T** xin ly hôn anh. Anh đã biết nhưng đi làm ăn tại Hà Nội không về chỉ nói là tùy chị **T**. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị chủ yếu do tính tình lối sống không hòa hợp, mặt khác do không có con nên anh chị lại càng mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình khuyên can vun vén không được. Chị **T** xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Con chung anh chị không có, anh chị còn ở chung với ông, không liên quan gì kinh tế gia đình ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Trương Thị Thanh T** và anh **Bùi Văn K**. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Trương Thị Thanh T** và anh **Bùi Văn K** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau. Chị xin ly hôn, lần tránh không hợp tác chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ. Chính quyền địa phương cũng đề nghị giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: anh chị không có con chung và không có thai nghén với nhau nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **T** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Trương Thị Thanh T** và anh **Bùi Văn K**;
2. Về án phí: Chị **T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0000183** ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.
3. Về quyền kháng cáo: Chị **T** và anh **K** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quỳnh